

SỞ Y TẾ TỈNH KON TUM
TRUNG TÂM Y TẾ
HUYỆN ĐẮK HÀ

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: /YTĐH-TCHCTCKT

Đắk Hà, ngày tháng năm

V/v mời cung cấp báo giá trang
thiết bị y tế năm 2023

Kính gửi: Các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở kinh doanh trang
thiết bị y tế trong và ngoài tỉnh.

Để có cơ sở triển khai thực hiện kế hoạch mua sắm thuốc gói thầu “Mua
sắm trang thiết bị y tế năm 2023” của Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà, tỉnh Kon
Tum.

Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà mời các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở kinh
doanh trong và ngoài tỉnh có khả năng cung cấp hàng hóa gói thầu (nêu trên)
quan tâm Báo giá các mặt hàng tính đến thời điểm hiện nay, cụ thể như sau:

1. Danh mục đề nghị Báo giá

- Danh mục, quy cách: Theo Phụ lục gửi kèm.
- Yêu cầu hàng hóa báo giá: Giá bao gồm thuế, chi phí vận chuyển; mới
100%, thời gian bảo hành ít nhất 12 tháng khi bàn giao đưa vào sử dụng; có giấy
chứng nhận xuất xứ, lưu hành theo quy định (nếu có). *Đề nghị doanh nghiệp sản
xuất, cơ sở kinh doanh không thay đổi các thông tin trên mẫu báo giá ban hành
kèm theo Công văn này.*

2. Địa chỉ và hình thức nhận báo giá

- Địa chỉ nhận báo giá: Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum (số
05 Đào Duy Từ, thị trấn Đắk Hà, huyện Đắk Hà, tỉnh Kon Tum, điện thoại liên
lạc 02603827329 hoặc 0935821778, 0914059113).

- Hình thức nhận báo giá: Các doanh nghiệp sản xuất, cơ sở kinh doanh
gửi báo giá bằng các hình thức: (1) gửi trực tiếp đến phòng Tổ chức - Hành
chính - Tài chính - Kế toán hoặc văn thư; (2) đường bưu điện; (3) fax; (4) qua e-
mail: phanvietphuc23@gmail.com

3. Thời gian nhận báo giá: Trước 11 giờ, ngày 13/11/2023.

Trung tâm Y tế huyện Đắk Hà kính mong nhận được sự phối hợp của các
doanh nghiệp sản xuất, cơ sở kinh doanh trong và ngoài tỉnh./.

Nơi nhận:

- Như trên;
- Phòng TCHC-TCKT (đăng tải trang thông
tin điện tử qua Website của TTYT huyện Đắk Hà);
- Lưu: VT, TCHC-TCKT.

GIÁM ĐỐC

Lê Quý Phương

Đơn vị:

Địa chỉ:

Số điện thoại/fax:

BẢNG BÁO GIÁ

(Kèm theo Công văn số: /YTĐH-TCHCTCKT ngày /11/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum)

Kính gửi: Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum.

Căn cứ Công văn số: /YTĐH-TCHCTCKT ngày /11/2023 của Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum về việc mời cung cấp báo giá “Mua trang thiết bị y tế năm 2023” được đăng tải trên Website của Trung tâm Y tế huyện Đăk Hà, tỉnh Kon Tum. Công ty chúng tôi xin trân trọng báo giá để quý đơn vị tham khảo, như sau:

TT	Tên hàng hóa	Thông số kỹ thuật	ĐVT	Số lượng	Đơn giá (VAT)	Thành tiền	Ghi chú
1	MÁY HẤP TIỆT TRÙNG LOẠI DUNG TÍCH ≥ 490 LÍT TRỞ LÊN	<u>I. YÊU CẦU CHUNG:</u> <ul style="list-style-type: none">Năm sản xuất: 2022 về sauChất lượng: mới 100%.Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485 hoặc CE hoặc tương đương.Nguồn điện sử dụng: 110V/220V, 50/60Hz, điện 1 pha.Môi trường hoạt động:<ul style="list-style-type: none">Nhiệt độ hoạt động: 5⁰C - ≥ 40⁰CĐộ ẩm tối đa: ≥ 95% không ngưng tụ <u>II. YÊU CẦU CẤU HÌNH</u> <ul style="list-style-type: none">Máy chính: 01 Cái	Máy	01			

- Xe đẩy: 01 Cái
- Giá để đồ hấp: 01 cái
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng Tiếng Anh và Tiếng Việt: 01 Bộ
- Máy hàn túi: 01 cái

III. TÍNH NĂNG KỸ THUẬT CỦA NỘI HẤP TIỆT TRÙNG

- Phù hợp với các bệnh viện trung bình đến lớn và các cơ sở phòng thí nghiệm
- Buồng hấp hình chữ nhật, làm bằng thép không gỉ AISI 316L
- Cửa trượt dọc tự động làm bằng thép không gỉ AISI 316L
- Lớp vỏ ngoài bằng thép không gỉ AISI 304L
- Giao diện màn hình kỹ thuật số
- + In báo cáo về chu kỳ tiệt trùng
- + Truy cập vào cài đặt
- + Thay đổi ngôn ngữ trong menu
- + Lựa chọn 1 chu kỳ tiệt trùng được thiết lập sẵn
- + Mở và đóng cửa

IV. THÔNG SỐ KỸ THUẬT CỦA NỘI HẤP TIỆT TRÙNG

- Kích thước buồng hấp (cm):
70x70x100
- Tổng kích thước (cm):
113x195x136

- Dung tích (L): ≥ 490
- Hai cửa
- Tuân thủ hướng dẫn và tiêu chuẩn EN 285, 2006/42/CE, 2007/47/CE, 93/42/CE, PED marking, BS 3970, CE0120/CE1155.
- Buồng hấp bằng chất liệu AISI 316 L
- Vỏ ngoài máy: AISI 304 L
- Cửa: Khí nén
- Máy tạo hơi nước với đầu vào nước độc lập
 - + AISI 304 L
 - + Hệ thống xả thủ công
- Hệ thống Van, kết nối và đường ống: Van khí nén
- Hệ thống bơm
 - + Máy bơm tăng áp tạo hơi nước bằng chất liệu AISI 316 L
 - + Bơm hút chân không vòng chất lỏng
- Hệ thống điều khiển và dữ liệu
 - + Chế độ hoạt động tự động
 - + Màn hình chạm LCD $\geq 5.7''$
 - + Máy in báo cáo
 - + Đầu dò cảm biến áp suất và nhiệt độ PT100
 - + Bộ áp kế (buồng, lớp vỏ ngoài và máy tạo hơi nước)

- Vùng kỹ thuật
- + Truy cập từ phải trước và bên phải
- + Truy cập từ phía trước và bên trái
- Kết nối điện được thiết lập trước theo các tiêu chuẩn điện tại chỗ.

V. MÁY HÀN TÚI (Mua tại Việt Nam)

Model: HD-650D

Hãng sản xuất: Hawo

Xuất xứ: Đức

Thông số kỹ thuật:

- Dải nhiệt độ: 0 – 220°C
- Khoảng cách hàn tới mép: 5 – 35 mm
- Chiều rộng mép hàn: 12 mm
- Tốc độ hàn: 10m/Phút
- Công suất: 500VA
- Kích thước: 570W x 260Dx160H (mm)
- Trọng lượng: 15kg

VI. YÊU CẦU KHÁC:

- Thiết bị được cung cấp bởi tổ chức được quy định tại Khoản 6, Điều 7 Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế và đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng, bảo trì trong thời gian bảo hành:

		<p>3 tháng/1 lần.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày. - Địa điểm giao hàng và lắp đặt sử dụng: tại đơn vị sử dụng. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối chính tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong thời gian 06 năm sau bán hàng và có báo giá vật tư tiêu hao, phụ kiện chính của thiết bị. - Có báo giá hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khi hết thời gian bảo hành. <p>Có chương trình lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, đào tạo cho người sử dụng.</p>						
2	MÁY MONITOR THEO DÕI BỆNH NHÂN 5 THÔNG SỐ	<p>MODEL: BSM-3562 HÃNG SẢN XUẤT: NIHON KOHDEN XUẤT XỨ: NHẬT BẢN</p>	Cái	10				

I. Yêu cầu chung:

- Năm sản xuất: 2022 trở về sau
- Chất lượng: mới 100%
- Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng EC, ISO 13485, ISO 9001
- Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz
- Môi trường hoạt động:
- Nhiệt độ tối đa: 40°C
- Độ ẩm tối đa: 85%

II. Yêu cầu cấu hình:

- Máy chính: 01 máy
- Các phụ kiện tiêu chuẩn bao gồm:
- Dây nguồn: 01 sợi
- Cáp điện tim: 01 sợi
- Bộ dây ECG 3 chuyển đạo: 01 bộ
- Điện cực tim: 30 cái
- Cáp nối SpO2: 01 sợi
- Đầu dò SpO2 người lớn và trẻ em: 01 cái
- Ống đo huyết áp người lớn /trẻ em: 01 cái
- Túi hơi huyết áp người lớn: 01 cái
- Túi hơi huyết áp trẻ em: 01 cái
- Đầu dò nhiệt độ da: 01 cái
- Máy in: 01 cái
- Giấy in: 01 xấp
- Pin sạc: 01 chiếc

- Sách hướng dẫn sử dụng tiếng Anh và tiếng Việt: 01 bộ
- Đĩa kỹ thuật máy: 01 cái

III. Chỉ tiêu kỹ thuật:

1/ Thông số đo: Điện tim ECG, Nhịp thở (Trở kháng), SpO2, Huyết áp không xâm lấn (NIBP), Nhiệt độ

2/ Màn hình hiển thị:

- Kích thước màn hình: Màn hình màu 12.1inch, TFT LCD
- Độ phân giải: 800 x 600 điểm
- Vùng nhìn: 246.0 mm x 184.5 mm
- Dạng sóng hiển thị: ECG (tối đa 12 đạo trình), nhịp thở, SpO2 dạng sóng
- Kiểu dạng sóng hiển thị: Di chuyển không mờ hoặc không phai mờ dần
- Số lượng sóng theo dõi: 15
- Tốc độ quét: 6.25, 12.5, 25 hoặc 50 mm/s
- Tốc độ quét nhịp thở: 1.56, 6.25, 12.5 hoặc 25 mm/s
- Màu sắc sóng hiển thị: 12 màu
- Hiển thị dữ liệu số: Nhịp tim HR, nhịp VPC, mức chênh ST, nhịp thở, NIBP (tâm thu, tâm trương, MAP), SpO2, nhịp mạch, nhiệt độ ...
- Màu sắc chữ số: 12 màu

3/ Điện tim (ECG):

- Đạo trình:
- Cáp 3 điện cực: I, II, III
- Cáp 6 điện cực: I, II, III, aVR, aVL, aVF, 2 từ V1 đến V6
- Bảo vệ chống lại máy sốc tim:
Bảo vệ đầu vào điện tim chống lại 400Ws/DC 5kV
- Điện thế offset chấp nhận của điện cực: $\geq \pm 500$ mV
- Dải động đầu vào: $\geq \pm 5$ mV
- Nhiễu trong: ≤ 30 μ Vp-p
- Khả năng loại bỏ nhiễu tổng quát: ≥ 95 dB
- Dòng phân cực đầu vào: ≤ 100 nA
- Tần số đáp ứng: 0.05 đến 60Hz (-3dB)
- Trở kháng đầu vào: ≥ 5 M Ω
- Cảm biến đầu dò: mỗi đầu dò đều có một cảm biến riêng
- Hiển thị dạng sóng:
- Độ nhạy: 10 mm/mV $\pm 5\%$
- Số kênh: tối đa 3 (đối với 6 hoặc 10 điện cực trên màn hình)
- Cài đặt độ nhạy: $\times 1/4$, $\times 1/2$, $\times 1$, $\times 2$, $\times 4$, or AUTO
- Đếm nhịp tim: 0, 15 đến 300 nhịp/phút
- Báo động nhịp tim: có thể cài đặt được từ 16 đến 300

		<p>nhịp/phút</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phân tích loạn nhịp: phân tích đa mẫu - Phạm vi đếm VPC: 0 đến 99 VPC/phút - Đo mức ST: tối đa 2 kênh ECG với phạm vi đo ± 2.5 mV <p>4/ Nhịp thở - phương pháp trở kháng:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Phương pháp đo: phương pháp trở kháng - ghi phế động qua trở kháng thành ngực - Số kênh: lựa chọn R-F hoặc R-L - Phạm vi đo trở kháng: 220 Ω đến 4 kΩ - Nhiều nội bộ: ≤ 0.1 Ω (quy chiều với đầu vào) - Dòng kích: 45 ± 10 μArms tại 40 kHz - Phạm vi đếm: 0 đến 150 nhịp/phút - Sai số: ± 2 nhịp/phút - Bảo vệ chống lại máy sốc tim: Bảo vệ đầu vào nhịp thở chống lại 400 Ws/DC 5 kV - Hiển thị dạng sóng: - Độ nhạy hiển thị: 10 mm/1 $\Omega \pm 25\%$ - Cài đặt độ nhạy: $\times 1/4$, $\times 1/2$, $\times 1$, $\times 2$, $\times 4$ - Chu kỳ cập nhật hiển thị số liệu: 3 giây một lần, hoặc khi 					
--	--	--	--	--	--	--	--

có báo động.

- Ngưỡng báo động: cài đặt được từ 2 đến 150 nhịp/phút
- Báo động ngừng thở: có thể cài đặt được từ 5 đến 40 giây

5/ SpO₂:

- Hiện thị:
- Cập nhật hiển thị: mỗi 3 giây hoặc khi có cảnh báo
- Tốc độ quét: tối thiểu đạt 6.25, 12.5, 25, 50mm/s
- Độ nhạy: x1/8, x1/4, x1/2, x1, x2, x4, x8 hoặc tự động (AUTO)
- Phương pháp đo SpO₂: hấp thụ hai bước sóng ánh sáng
- Phạm vi hiển thị: 0 đến 100% SpO₂
- Phạm vi khai báo: 70 đến 100% SpO₂
- Độ chính xác: $\pm 2\%$ SpO₂
- Báo động: có thể cài đặt được từ 51 đến 100% SpO₂ trong từng bước 1%

6/ Huyết áp không xâm lấn (NIBP):

- Phương pháp đo: đo dao động
- Phạm vi đo và hiển thị: 0 đến 300 mmHg
- Sai số: ± 3 mmHg
- Thời gian bơm phồng bao đo: từ ≤ 5 s cho đến ≤ 1 s ứng với từ 70cc đến 700cc
- Áp suất bao đo ban đầu:

		<p>Người lớn: 180 mmHg, trẻ sơ sinh: 100 mmHg</p> <ul style="list-style-type: none"> - Áp suất bao đo tối đa: Người lớn/trẻ em: 300 mmHg, trẻ sơ sinh: 150 mmHg - Thời gian đo lớn nhất: Người lớn/trẻ em: $\leq 160s$, trẻ sơ sinh: $\leq 80s$ - Chế độ hoạt động: bằng tay, STAT (≤ 15 phút), định kỳ, PWTT và SIM - Các mục hiển thị: Tâm thu (SYS), Tâm trương (DIA), có nghĩa (MAP), áp lực trong túi hơi đo đặc NIBP, vùng PWTT - Chu kỳ cập nhật hiển thị NIBP: Cập nhật mỗi lần đo đặc - Ngưỡng báo động: có thể cài đặt được từ 15 đến 260 mmHg <p>7/ Đo nhiệt độ:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Giới hạn đo lường: 0 đến $45^{\circ}C$ - Số kênh: 2 kênh cố định - Sai số đo: $\pm 0.1^{\circ}C$ - Nhiễu nội bộ: $\leq 0.014^{\circ}C$ (tại $37^{\circ}C$) - Mức trôi nhiệt: $\pm 0.005^{\circ}C / ^{\circ}C$ - Chu kỳ cập nhật hiển thị: mỗi 3 giây hoặc khi có báo động - Ngưỡng báo động: có thể cài 					
--	--	--	--	--	--	--	--

đặt được từ 0.1 đến 45°C

8/ Máy in nhiệt:

- Phương pháp in: thanh ghi nhiệt
- Số kênh: tối đa 3
- Độ rộng: ≥ 46 mm
- Tốc độ giấy: 12.5, 25, 50 mm/s

9/ Pin:

- Kiểu pin: Nickel-metal hydride
- Dải điện áp: 9.6V
- Thời gian hoạt động: 90 phút khi nạp đầy
- Thời gian nạp: 2 giờ (khi không theo dõi)
- Báo tình trạng pin: Đèn báo trên bảng phía trước, hiển thị cảnh báo và cảnh báo âm, cảnh báo trạng thái pin

IV. Yêu cầu khác:

- Thiết bị được cung cấp bởi tổ chức được quy định tại Khoản 6, Điều 7 Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế và đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.
- Thời gian bảo hành: 12 tháng, bảo trì trong thời gian bảo hành: 3 tháng/1 lần.
- Thời gian thực hiện hợp đồng:

		<p>trong vòng 120 ngày.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Địa điểm giao hàng và lắp đặt sử dụng: tại đơn vị sử dụng. - Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối chính tại Việt Nam. - Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng. - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong thời gian 06 năm sau bán hàng và có báo giá vật tư tiêu hao, phụ kiện chính của thiết bị. - Có báo giá hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khi hết thời gian bảo hành. <p>Có chương trình lắp đặt, hướng dẫn sử dụng, đào tạo cho người sử dụng.</p>						
3	Máy sắc thuốc đóng gói tự động (loại 3 nôi)	<p>Model: SCK2000 Hãng: Tianjin Sanyan Precision Machinery Co.,ltd Xuất xứ: Trung Quốc I. Yêu cầu chung:</p>	Cái	01				

- Thiết bị sản xuất năm 2022 trở về sau, máy mới 100%.
- Máy được sản xuất đạt tiêu chuẩn chất lượng ISO – 9001
- Điều kiện về môi trường hoạt động:
 - + Nhiệt độ tối đa: $\geq 30^{\circ}\text{C}$
 - + Ẩm độ tối đa: $\geq 70\%$
- Nguồn điện sử dụng: 220V

II. Cấu hình thiết bị:

- 01 Máy chính
- 03 Nồi sắc thuốc kèm nắp đậy
- 01 Bảng điều khiển điện tử(có dẫn chú thích tiếng Việt)
- 01 Cuộn túi đóng gói theo máy
- 03 Túi lọc dược liệu sơ cấp
- 01 Dây nguồn
- 01 Bộ hướng dẫn sử dụng

III. Thông số kỹ thuật

Sắc thuốc ở áp lực thông thường, tự động kiểm soát nhiệt độ
Kết hợp sắc thuốc và đóng gói tiết kiệm không gian đặt máy
Tự động chuyển chế độ giữa nhiệt sắc cao và thấp
Đóng gói kín hơi, kiểm soát bằng vi xử lý, vận hành an toàn, tiết kiệm năng lượng, thời gian và tăng cường hiệu quả của thuốc.
Dung tích bình chứa: 20,000ml
Công suất đóng gói (gói/ phút): 7
Quy cách bao gói (dài x rộng) : (50-

250) x 100
Dung lượng bao gói (ml): 50-250
Số nồi: 3 nồi
Dung tích nồi sắc(ml): 20000x3
Số toa thuốc sắc/lần: 3
Hiệu điện thế nguồn(V): 220
Công suất nồi sắc (W) : 4500
Công suất sôi (W) : 800
Tổng công suất (W) : 6300
Trọng lượng máy (kg) : 145
Kích thước (mm) : 1300 x 580 x 1280

IV. Yêu cầu khác:

- Thời gian bảo hành: 12 tháng, bảo trì trong thời gian bảo hành: 3 tháng/1 lần.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày.
- Địa điểm giao hàng và lắp đặt sử dụng: tại đơn vị sử dụng.
- Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối chính tại Việt Nam.
- Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao

		<p>hàng.</p> <ul style="list-style-type: none"> - Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong thời gian 06 năm sau bán hàng và có báo giá vật tư tiêu hao, phụ kiện chính của thiết bị. <p>Có báo giá hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khi hết thời gian bảo hành.</p>				
4	MÁY ĐIỆN TIM 3 KÊNH (KẾT NỐI MÁY VI TÍNH)	<p>MODEL: ECG-3150 HÃNG SẢN XUẤT: SHANGHAI KOHDEN MEDICAL ELECTRONIC INSTRUMENT CORP. NƯỚC SẢN XUẤT: TRUNG QUỐC</p> <p>I. Thông tin chung:</p> <ul style="list-style-type: none"> - Năm sản xuất: 2022 về sau - Chất lượng: mới 100%. - Đạt tiêu chuẩn quản lý chất lượng ISO 13485, ISO 9001, EC - Thiết bị được phân nhóm 3 theo Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày 10/7/2020 của Bộ Y tế. - Nguồn điện sử dụng: 220V, 50/60Hz. - Môi trường hoạt động: - Nhiệt độ tối đa: 40⁰C - Độ ẩm tối đa: 85% 	Cái	03		

II. Cấu hình máy:

- Máy chính: 1 máy
- Phụ kiện kèm theo:
- Dây nguồn: 1 chiếc
- Cáp điện tim: 1 chiếc
- Điện cực loại bóp bóng: 6 chiếc
- Điện cực kẹp chi: 4 chiếc
- Giấy in: 1 xấp
- Bút lau đầu in nhiệt: 1 chiếc
- Pin sạc: 1 chiếc
- Xe đẩy đặt máy (Mua tại Việt Nam): 1 chiếc
- Cáp nối truyền dữ liệu đến máy tính: 01
- Máy tính nguyên bộ kèm màn hình LCD 17": 01 bộ
- Máy in laser trắng đen: 01 bộ
- Tài liệu hướng dẫn sử dụng tiếng Anh + Việt: 1 bộ

III. Tính năng kỹ thuật:

Đầu vào điện tim

- Điện trở đầu vào: $\geq 50 \text{ M}\Omega$ (10 Hz)
- Điện áp offset: $\pm 550\text{mV}$
- Chức năng bảo vệ đầu vào: Phá rung tim
- Hệ số lọc nhiễu ở chế độ thông thường: $>105\text{dB}$ (tại 10V)
- Dòng vào: $<0.05\mu\text{A}$
- Độ nhạy tiêu chuẩn:

- 10mm/mV, không quá $\pm 2\%$
- Nhiều trong: $\leq 20\mu\text{Vp-p}$
 - Nhiều giữa các kênh: $\leq 40\text{dB}$
 - Tần số đáp ứng: 10 Hz làm điểm chuẩn, 0.05 đến 150 Hz (+0.4 dB/-3.0 dB). 150 Hz ($\geq 71\%$, lọc cao tần: 150 Hz)
 - Tốc độ lấy mẫu: 8000 mẫu/giây

Xử lý dữ liệu dạng sóng

- Tốc độ lấy mẫu: 500 mẫu/giây, 1.25 $\mu\text{V/LSB}$
- Đáp ứng tín hiệu tối thiểu: $20\mu\text{Vp-p}$
- Bộ lọc nhiễu điện cơ: 25/35 Hz
- Bộ lọc cao tần: 75, 100, 150 Hz ($\geq 3\text{dB}$)
- Bộ lọc nhiễu xoay chiều: 50/60Hz
- Chống trôi đường cơ bản:
 - Yếu: -20dB (0.1 Hz)
 - Mạnh: -34dB (0.1 Hz)
 - Hằng số thời gian: ≥ 3.2 s
 - Độ nhạy: 5, 10, 20 mm/mV
 - Phát hiện đánh dấu nhịp: có sẵn
 - Chuyển đổi A/D: 32 bit

Hiển thị

- Kích thước: 5 inch
- Loại màn hình: Màn hình màu tinh thể lỏng TFT
- Độ phân giải: 800 x 480 điểm
- Hiển thị dữ liệu: sóng điện tim, thông tin bệnh nhân, cài đặt chế độ ghi, chế độ hoạt động, nhịp tim, đánh dấu đồng bộ QRS, báo lỗi, tuột điện cực, nhiễu.

Ghi

- Mật độ in: 200 dpi (8 điểm/mm)
- Độ nhạy dòng quét: 1ms
- Số kênh: 1, 1 + rhythm, 3
- Tốc độ giấy: 25, 50 mm/giây
- Dữ liệu ghi: sóng điện tim, nhịp tim, tên đạo trình, phiên bản, thời gian và ngày tháng, loại chương trình, tốc độ giấy, độ nhạy, lọc, thông tin bệnh nhân (số ID, giới tính, tuổi). đánh dấu sự kiện, tuột điện cực, nhiễu
- Loại giấy: giấy cuộn dài 30m, chiều rộng 63 mm
- Nhiễu cơ khí: ≤ 48 dB ở tốc độ giấy 25 mm/giây

Phân tích điện tim

- a. Tên chương trình:
ECAPS 12C
- b. Độ tuổi bệnh nhân

phân tích: sơ sinh đến người lớn

- Mục tìm kiếm: khoảng 200
- Mục đánh giá: 5

Nhu cầu điện năng

- a. Điện nguồn: AC (100V đến 240V) ± 10%
- b. Tần số đáp ứng: 50/60 Hz
- c. Nguồn vào: ≤45 VA
- d. Thời gian hoạt động của pin:
 - ≥180 phút (tự động in 3 phút/lần bằng pin mới, ở 25°C)
 - 60 phút (in liên lục với pin mới ở 25°C)
 - Thời gian sạc pin: trong vòng 3 giờ

Giao diện

- a. Cổng USB loại A: 2
- b. Cổng mạng LAN:

Giao tiếp

- Mạng LAN không dây: tiêu chuẩn mạng LAN không dây được áp dụng: IEEE 802.11 a/b/g/n/ac

IV. Thông tin khác:

- Thiết bị được cung cấp bởi tổ chức được quy định tại Khoản 6, Điều 7 Thông tư 14/2020/TT-BYT ngày

10/7/2020 của Bộ Y tế và đủ điều kiện mua bán trang thiết bị y tế.

- Thời gian bảo hành: 12 tháng, bảo trì trong thời gian bảo hành: 3 tháng/1 lần.
- Thời gian thực hiện hợp đồng: trong vòng 120 ngày.
- Địa điểm giao hàng và lắp đặt sử dụng: tại đơn vị sử dụng.
- Phải có giấy ủy quyền bán hàng của nhà sản xuất hoặc văn phòng đại diện hoặc nhà phân phối chính tại Việt Nam.
- Cam kết cung cấp Chứng nhận nguồn gốc (CO), Chứng nhận chất lượng (CQ), Invoice (xóa giá), Packing list, Vận đơn, Tờ khai hải quan (xóa giá), Bản phân loại trang thiết bị y tế, Giấy phép nhập khẩu (nếu có) khi giao hàng.
- Cam kết cung cấp vật tư tiêu hao, phụ tùng thay thế trong thời gian 6 năm sau bán hàng và có báo giá vật tư tiêu hao, phụ kiện chính của thiết bị.
- Có báo giá hợp đồng bảo trì, bảo dưỡng thiết bị khi hết thời gian bảo hành.

Có chương trình lắp đặt, kiểm định, hướng dẫn sử dụng, đào tạo cho

		người sử dụng.					
		Tổng cộng 04 loại					

Số tiền bằng chữ:

Ghi chú:

- Giá trên đã bao gồm các loại thuế và chi phí vận chuyển.
- Hiệu lực của báo giá: 60 ngày./.

....., ngày... tháng.... năm

ĐẠI DIỆN ĐƠN VỊ CUNG CẤP GIÁ
(Ký, họ tên và đóng dấu)